

## Tản Mạn Về Một Người Của Thế Kỷ XX

### Cụ TRẦN VĂN ÂN, NHÀ THƠ

#### Nguyễn Thị Cỏ May

Ngày Tết đối với người Việt nam không chỉ đơn thuần là ngày lễ hội vui chơi, trà rượu:

Tháng giêng ăn Tết ở nhà  
Tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè ...

*Hình Ông Bà Trần Văn Ân*



Ngày Tết còn là thời điểm trọng đại vì nó chấm dứt năm cũ và bắt đầu một năm mới với nhiều mong đợi một năm sẽ tốt đẹp hơn năm qua. Khi « ăn Tết ở nhà », người ta nhân thời điểm trọng đại mà kiểm điểm lại những chuyện xảy ra trong năm qua để rút tỉa kinh nghiệm và nhìn về năm tới phát hoạ những dự tính tích cực sẽ thực hiện. Trong gia đình sum họp, người ta thường nhắc lại người thân quá vắng, kể lại những thành tích, những đặc tính của người ấy. Có khi kể lại cả những khuyết điểm, những tật xấu với lòng tràn đầy thương nhớ và kính trọng.

Trong những dịp này, người kể chuyện, người nghe và người quá vắng, trong một thời điểm nhứt định, cả ba cùng hiện hữu ở mọi người như «thế thế đồng đường». Đó là nét văn hóa việt nam qua lễ thờ cúng Ông Bà và nhờ đó dân tộc được trường tồn.

Nay nhân ngày Tết nhắc lại một người chắc không phải xa lạ lắm vì Cỏ May nghĩ có nhiều bạn đọc biết, hoặc quen biết trực tiếp. Đối với bạn đọc còn trẻ, là nhắc lại một nhân chứng, đồng thời một tác nhân của lịch sử Việt nam trong thế kỷ qua.

Vả lại dân Nam kỳ vốn từ Bắc, Trung vào Miền Nam lập nghiệp nên trước đây vào ngày Tết có tập tục «mừng tuổi Ông Bà chung». Sau khi đã cúng Ông Bà ở nhà xong, đi lạy Ông Bà ở nhà họ hàng, người ta xách dù ra đi tới nhà lối xóm, trong làng, rồi xa hơn nữa, buông thả theo bước chân và hơi men. Cứ như thế đi, không cần biết sẽ tới nhà lạ hay quen. Khi tới một nhà nào đó, cứ bước thẳng vào trước bàn thờ giữa nhà, có sẵn nhang đèn, thấp nhang cắm lên bàn thờ và lạy bốn lạy. Quay lưng lại bàn có sẵn mâm cơm, rượu, trà, tự tiện rót ra và nhấm nháp vài món. Thường lúc ấy chẳng mấy khi có chủ nhà ở nhà vì chủ nhà cũng dẫn nhau đi « mừng tuổi Ông Bà chung » đang ở đâu đó. Dĩ nhiên khách uống chút rượu hoặc chút trà là để đáp lễ với chủ nhà, chớ các thứ bày ra đó đều đã nguội lạnh từ bao giờ.

Nay có nhắc lại một người xưa, không quen biết hay quen biết mà không có họ hàng, là ý muốn nhắc lại một chuyện trong tinh thần của văn hóa thờ cúng Ông Bà và một tập tục đẹp và xưa vào ngày Tết. Mừng tuổi Ông Bà chung có ý nghĩa không gì khác hơn là nhắc lại sinh quán, nguồn gốc, để cùng nhau tưởng nhớ về nguồn gốc.

Dân Nam kỳ **trong tâm thức** lúc nào cũng hướng về quê cha đất tổ. Đất Nam kỳ là nơi lập nghiệp **của những người sau khi rời bỏ quê hương**. Đất lành chim đậu **trở thành quê hương của những lớp di dân thời Chúa Nguyễn**. Trong gia đình xứ Nam kỳ không có ngôi Anh Cả,

Chị Cả, mà chỉ có ngôi Anh Hai, Chị Hai vì Anh Cả, Chị Cả ở lại ngoài Bắc, ngoài Trung để lo bồn phận bảo quản ngôi từ đường, lo việc thờ cúng Ông Bà.

Giữ ngôi Anh Hai, Chị Hai là **tự nhắc** mình thuộc hàng em út trong dòng tộc Việt. Nên có ai bảo dân Nam kỳ có tinh thần kỳ thị Nam-Bắc là nói điều phản lại văn hóa dân tộc. Vả lại dân Nam kỳ vốn thiệt thà, chất phát và có khi quê mùa lắm. Họ luôn luôn thương yêu, kính trọng Anh Cả, Chị Cả. Lịch sử đã chứng minh điều đó. Vua Nhà Nguyễn bỏ chạy vào Nam đã được dân Nam kỳ cúc cung phục vụ Nhà Vua. Năm 54, cả triệu Anh Cả, Chị Cả bỏ Miền Bắc ngàn năm văn minh, lên tàu há mồm chạy vào Nam, xuống tận Cà mau, Rạch giá tái định cư, một lần nữa được dân Nam kỳ ưu ái đối xử nên chỉ trong thời gian ngắn, Anh Cả, Chị Cả đã lập được cơ ngơi vững vàng. **Tinh thần bao dung, đùm bọc «Nhiều điều phủ lấy giá gương» là nét đặc trưng của văn hóa xứ Nam kỳ. Vả lại lịch sử Việt Nam cho thấy chỉ có dân Nam kỳ luôn luôn mở rộng vòng tay đón nhận đồng bào ruột thịt từ Miền Bắc, Miền Trung chạy vào mỗi khi đất nước lâm nguy.**

Người xưa mà Cỏ May muốn nhắc lại đây, nhân ngày Tết, đó là Cụ Trần văn Ân. Trong gần đây, cũng trên trang báo này, nhân lễ giỗ lần thứ bảy của Cụ, Cỏ May đã có dịp nói về Cụ, gọi Cụ là Đẩu sĩ Trần văn Ân.

### **Một Bông Hoa đồng nội Miền Tây**

Phải nói cụ Trần văn Ân là một trường hợp hi hữu dưới thời thực dân Pháp cai trị xứ Nam kỳ. Cụ sanh vào đầu thế kỷ qua trong một gia đình nông dân nghèo ở Thốt nốt. Phụ thân và người bác đều chỉ biết chút ít chữ nho. Lúc bấy giờ, Thốt nốt còn là một vùng quê hẻo lánh. Người dân phần đông chỉ nghe nói tới xe hơi, chứ không mấy người được trông thấy tận mắt chiếc xe hơi. Từ Thốt nốt đi lên Sài gòn phải đi tàu đò tới Mỹ tho, ngủ lại đó sáng hôm sau lấy xe lửa lên Sài gòn. Dân chúng ở đâu sanh sống theo ở đó. Sự di chuyển xa không cần thiết.

Trong cái xã hội đóng khung và cứng ngắt như vậy mà Cụ Trần văn Ân, năm 12 tuổi, được nhận vào học Trường Bồn quốc, tức Trường Tây Lycée Chasseloup-Laubat ở Sài gòn. Nên nhớ Trường Bồn quốc chỉ dành cho con em người Pháp và con em của gia đình Việt nam giàu có theo Tây học. Năm đó lớp học còn dư chỗ vì thiếu trẻ con vào học nên khi Cụ Trần văn Ân được thân phụ nhờ người viết đơn xin học, Cụ được nhận vào nội trú. Cuộc đời của cậu bé Trần văn Ân, sáng sớm đi bộ chân đất hơn 2 km bờ ruộng để tới trường làng, bắt đầu thay đổi từ đây.

Định mệnh an bài?

Năm ấy, vừa đậu xong bằng Brevet Elémentaire, Cụ không có tiền đóng lệ phí – theo qui chế mới, Cụ được Ông Tullié, sau này khi về hưu ở gần Toulouse, Thầy dạy Pháp văn, thương Cụ học giỏi đủ các môn chỉ trừ môn vẽ, làm đơn xin Thống đốc Nam kỳ cấp học bổng cho Cụ. Nhờ được học bổng, Cụ học tiếp lên Ban Tú Tài. Nhưng Tây không cho Cụ dự thi Tú Tài Pháp, mà phải thi Tú Tài bồn quốc, tức Tú Tài lô-can (Baccalauréat local). Cụ lầy lẫm bất mãn cho rằng Tây phân biệt đối xử. Thế là Cụ quyết định bỏ học. Từ đây, Cụ nghĩ phải tìm học cái gì khác hơn là học để làm Thầy Thông, Thầy Ký. Cụ nhận lời dẫn 2 cậu thiếu niên con nhà giàu đi qua Tây du học. Ở Marseille, Cụ theo học lớp Dự Bị thi vào Trường Kỹ sư Công Nghệ (Ecole d'Ingénieur des Arts et Métiers). Vừa học vừa tranh đấu trong Phong trào sinh viên. Cụ ra báo sinh viên và làm Hội trưởng Hội Đông Dương Tương trợ. Lúc này, Cụ thường tham dự biểu tình bên cạnh đảng Xã hội và đảng Cộng sản Pháp để chống chế độ thực dân ở Việt nam và bên vực giới lao động, thợ thuyền ở Marseille.

Năm 1928, cụ tổ chức biểu tình chống Đốc phủ Nguyễn văn Vịnh nhận lãnh sứ mệnh ở Thống Đốc Nam kỳ Blanchard de la Brosse qua Pháp để xin lệnh đàn áp phong trào chống

đối chế độ thực dân ở Nam kỳ. Ông bị ông Trần văn Thọ đánh lở đầu chảy máu. Ông Trần văn Thọ là một công nhân hàng hải từ Phi châu mới về nên không biết chỉ thị của Ban tổ chức biểu tình là giữ ôn hòa, không gây bạo loạn. Ông Trần văn Thọ bị bắt giải Tòa, bị phạt tù 3 tháng. Cụ Trần văn Ân tổ chức biểu tình bị đuổi về Sài gòn.

Cụ gặp lại ông Thái Nguơn Sáng, bạn học chơi thân nhau ở trường Chasseloup-Laubat, giúp đưa Cụ qua Tàu tìm cơ hội thực hiện tinh thần cầu học mà Cụ từng ôm ấp. Và phải học cái gì khác hơn ở Trường Bồn Quốc dạy. Cụ bắt đầu trước tiên học tiếng Tàu. Ít lâu sau đó, Cụ tham dự sinh hoạt với Trung Hoa Quốc Dân đảng. Thật ra lúc bấy giờ Cụ chỉ kịp học tiếng Tàu để nói chuyện. Cụ diễn thuyết về tình hình Việt nam với người Tàu. Về sau nhờ vốn liếng tiếng Tàu nói mà Cụ tìm hiểu văn học cổ của Tàu và Cụ say mê.

Sau này, mỗi khi nghe ai nói học ngoại ngữ khó, nói chuyện không được, Cụ cười và bảo hãy kiếm một cô bồ, người của ngoại ngữ đó mà học thì chắc chắn sẽ mau giỏi. Mà thật, lúc ở Tàu, chỉ vừa nói bập bẹ tiếng Tàu, Cụ đã o được mèo xắm con nhà giàu.

Về Việt nam, Cụ Ân tùy tình hình và hoàn cảnh tham gia hoạt động với các phong trào, đảng phái chỉ nhằm mục tiêu duy nhất là chống thực dân Pháp. Khi thì Cụ theo Hoàng thân Cường Để thân Nhật bản, khi khác Cụ sát cánh với các bạn Đệ Tứ như Tạ Thu Thâu hoặc đi với Phan văn Hùm, Hồ văn Ngà, Nguyễn văn Sâm, Lâm Ngọc Đường. Cụ cũng có nhiều cơ hội hợp tác với Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc của Cao Đài và Giáo chủ Phật Giáo Hòa Hảo Huỳnh Phú Sổ. Chính cụ đã soạn thảo bản Cương lĩnh cho Dân Xã đảng của Phật Giáo Hòa Hảo.

Năm 1948, Cụ vào làm việc cho Chánh phủ Nguyễn văn Xuân với chức vụ Tổng trưởng Thông tin, khai sanh ra Cờ quốc gia, tức Cờ Vàng 3 sọc đỏ ngày nay.

Cụ làm báo, viết báo. Đi tù thực dân Pháp ở Bà-rá và tù 9 năm cấm cố ở Côn đảo của chế độ Cộng Hòa Nhân vị Ngô Đình Diệm.

Năm 1964, ra tù, Cụ tham gia Chánh phủ với chức vụ Tổng trưởng Chiêu Hồi. Qua Đệ II Cộng Hòa, Cụ làm Phụ tá Văn hóa Chánh trị cho Tổng thống Nguyễn văn Thiệu, rồi Cố vấn cho Phái đoàn Hòa đàm ở Paris. Sau 30/04/75, Cụ ở lại luôn tại Pháp cho tới ngày mất.

### **Một nhà thơ mộc mạc**

Trên đây Cỏ May ghi vọi vài nét sơ lược về Cụ Trần văn Ân từ lúc thiếu thời cho tới ngày yên nghỉ. Nhưng đó là con người năng nổ hoạt động mưu cầu nền độc lập cho Việt nam. Trần văn Ân là chứng nhân và cũng là tác nhân của lịch sử Việt nam trong thế kỷ qua đã được người đời biết đến nhiều. Nhưng Trần văn Ân là **người thơ** thì ít người biết vì **Văn Lang Thi tập** của Cụ không được xuất bản, chỉ dành riêng cho gia đình và bạn thân mà thôi.

Nay Cỏ May tản mạn với bạn đọc về **Trần văn Ân, con người thơ hay thi nhân Trần văn Ân**.

Khi nói về Trần văn Ân, **con người thơ hay ký giả**, Cỏ May xin nhắc lại quan niệm của Cụ khi Cụ làm thơ hay viết báo. Cụ viết báo gần như suốt đời. Cụ ra báo cũng nhiều lần. Vinh quang vì báo cũng có mà ở tù vì báo cũng lắm phen! Nhưng lúc nào Cụ cũng nói **Cụ viết báo không phải để làm nhà báo, mà chủ yếu để tranh đấu**. Không thể tranh đấu bằng võ lực thì dùng ngòi bút, tiếng nói làm võ khí tranh đấu. Lắm khi lợi hại không thua võ khí. Cũng như vậy, khi làm thơ, Cụ tự nhận mình là **nhà thơ, là thi nhân**, chứ không phải là **thi sĩ**.

Làm thơ, theo Cụ, là để “phơi bày ruột gan của người đa tình”:

«Trời phú tôi thương cảm  
Thường sôi sục với mình  
Viết chơi nhiều ít chữ  
Phơi ruột người đa tình»  
(Tôi và Nàng thơ - Cẩm cố tử hình Côn đảo, 1958)

Về thơ, Cụ thường nói “ không có vấn đề thơ **hay** hay **dở**. Vì thơ là để diễn tả nỗi lòng, niềm xúc cảm riêng của mỗi người. Cụ bộc bạch rõ hơn “ *Tôi hiểu thơ như thế nào?*”:

“Thơ là biểu diễn cuộc  
Là tiếng nói tâm hồn  
Cảm động thành âm nhạc  
Và tao nhã ngữ ngôn

Là bức tranh linh hoạt  
Với màu sắc nhẹ nhàng  
Và điều hòa cảnh vật  
Là nỗi lòng bày trang

Thơ là tâm với trí  
Hòa hợp và đi đôi  
Có điệu bộ hoa mỹ  
Và lời lẽ chảy trôi.

Thơ phải giàu tình cảm  
Chân thành và điệu thâm  
Gọn gàng mà ứng biến  
Tự tưởng ẩn phù trầm.»

Với quan niệm về thơ là để diễn đạt nỗi lòng riêng khi đối cảnh cảm xúc, Cụ Ân, sau biến cố mất nước, cư ngụ ở vùng Bretagne, miền Tây-Bắc nước Pháp, hằng năm hướng về đất nước đón Xuân nhưng trong cảnh cô đơn và trong cái giá lạnh của thời tiết xứ tạm cư:

«Ăn Tết trời Tây chẳng có Xuân  
Mai vàng, pháo đỏ, nhớ làng làng  
Trời đông gió lạnh teo lòng khách  
Lai láng hồn quê nặng nợ nần»

Không mong, Tết hằng năm cứ vẫn tới. Tết tới để chất thêm cái nặng của thời gian lên đôi vai người đã ngoài thất tuần. Nhưng khi Tết tới, thi nhân có thật lòng vui buồn cùng với Cổ nhân Vương Duy nhìn thời gian cứ lặng lẽ bước tới không?

«Nhật nhật nhân không lão  
Niên niên Xuân cánh qui»  
(Vương Duy)

Cụ Ân dịch ra tiếng việt:

«Mỗi ngày người mỗi già thêm  
Năm qua năm lại còn đem Xuân về »

Biết người già thường có lắm chuyện phiền toái không tránh được, không tự mình giải quyết được. Lúc ấy người già muốn vứt bỏ đi cái già cho nhẹ người. Nhưng làm sao đây:

«Ai ơi muốn chữa bệnh già

Thì đừng trước có sanh ra làm gì »

Năm 1927, Cụ Ân chưa giỏi quốc văn nên vừa học ở bạn và vừa tự học thêm. Cụ dành nhiều thì giờ đọc và viết đủ thể loại. Lúc ở bên Tàu, Cụ chơi thân với một nữ cán bộ Quốc tế khoa của Trung hoa Quốc Dân đảng. Trước sắc đẹp mê hồn của người con gái Tàu, Cụ đã để « hồn thơ lai láng » khi ngày Xuân tới:

«Première heure de l' Année  
A qui le premier mot?  
A qui la première pensée?  
Devant l' année qui commence, veux-tu  
Recommencer à vivre les heures déjà passées?

Nguyễn Hoài Vân, một Tử đệ của Cụ Ân, đã dịch thoát ra Việt văn mà cũng muốn mượn lời thơ để giải bày nỗi lòng riêng:

«Giao thừa vừa điểm tiếng chuông  
Tên ai triu mến vấn vương cõi lòng?  
Vì ai canh cánh nhớ mong  
Gởi lời bướm lượng kẻ sang tỏ bày  
Mong cho năm mới về đây  
Nói dài giờ phút ngát ngây bên nàng.”  
(Nguyễn Hoài vân, Rennes, 25/11/90)

Thường cái gì đẹp dễ bị mất. Người nữ cán bộ thất lạc trong cảnh loạn ly quốc cộng tương tranh của xứ Tàu. Cụ Ân có dịp học làm người Thôi Hộ, một mình âm thầm đón nhận nỗi lòng tê tái:

“Ngày nay năm ngoái chốn này  
Hoa Đào, người đẹp những đầy sắc tươi  
Năm nay chẳng thấy mặt người  
Hoa Đào còn đó đón cười gió đông”

Những kẻ si tình trong trời đất thường có chung những xúc cảm, những rung động giống nhau. Nếu không có thơ thử hỏi làm sao người đời biết họ là những kẻ si tình? Tới tuổi 90, Cụ Ân hãy còn đọc thuộc lòng thơ Lamartine, Chateaubriand, Musset, ... như một học sinh của những năm đầu trung học trả bài học thuộc lòng trong lớp. Cụ nói với bạn thơ lãng mạng của Pháp rất hay. Nhưng thơ tình của Tàu mới thâm thúy hơn.

Cái uyên bác của Cụ Ân vẫn có một khoảng trống. Đó là thiếu Văn học Việt nam. Nhưng cũng dễ hiểu vì cái học của Cụ vốn đã thiếu vắng nền văn học quốc âm ngay từ trong chương trình học ở nhà trường Tây vào thời ấy. Rời nhà trường, Cụ lằng lộn với cuộc đời tranh đấu không ngừng nghỉ nên chỉ thu thập được cái gì ở tầm tay, phụ thuộc hoàn cảnh, và theo sở thích.

Cụ mê thơ Tàu sau thơ Tây vì cơ hội sống ở Tàu vài năm, làm bạn với người Tàu, nhứt là có bạn gái người Tàu. Biết thơ để tâng tỉnh dễ thành công. Lúc Thế chiến, Cụ kẹt ở Singapour với hai nhà nho, Cụ Trần Trọng Kim và Cụ Dương Bá Trạc. Cụ tận tình săn sóc Cụ Dương Bá Trạc lúc bệnh hoạn. Nhờ sự gần gũi với hai Cụ nhà nho mà Cụ Ân được cơ hội học thêm chữ nho và thơ cổ Trung hoa. Cái hiểu biết mới học được đã làm cho Cụ Ân càng thêm say mê thơ Đường hơn:

“Đường thi bạn với ta

Những lúc mồn thân già  
Đau ốm người đời chán  
Văn chương biết xót xa”

Từ năm 1955 đến năm 1964, Cụ Trần văn Ân nằm khám cấm cố tử hình ở Côn-đảo. Cụ không có sách báo tiếng việt để đọc vì bị cấm. Để giải trí, Cụ được phép mượn sách tiếng Tàu về văn học của tù hình sự người Tàu mà đọc. Đọc hoài chán, Cụ xoay qua dịch thơ Tàu ra tiếng việt. Cứ như vậy, Cụ dịch được hơn 600 bài cổ thi mà Cụ không hay.

Cách cấu trúc thơ Tàu của những nhà thơ lớn thường nhằm đánh mạnh và thẳng vào tâm tư người đọc vì súc tích. Tứ thơ dồn trong chỉ vài chữ có sức làm bùng nổ sự cảm nhận ở người đọc. Như bài Tương Tư Oán của nữ Đạo sĩ Lý Tri:

“Nhân đạo hải thủy thâm  
Bất để tương tư bán  
(...)  
Đàn đặc tương tư khúc  
Huyền trường nhứt thời đoạn.”

Dịch ra tiếng việt:

“Người cho biển cả là sâu  
Nào bằng phân nửa oán sầu tương tư  
(...)  
Tương Tư một khúc vừa rồi  
Đàn kia dây đứt, ruột người đứt theo»

Nói về nỗi sầu tương tư, ai cũng muốn cắt đứt, dẹp bỏ. Nhưng khi muốn quên đi, dứt bỏ đi thì đúng là lúc nỗi buồn lại mãnh liệt áp đảo con người. Lý Bạch mô tả nỗi sầu tương tư thật tài tình:

«Trừu đao đoạn thủy, thủy cánh lưu  
Cử bôi tiêu sầu, sầu cánh sầu»  
Dịch ra tiếng việt:  
«Vung gươm chặt nước, nước vẫn trôi  
Nâng chén giải sầu, sầu vẫn sầu»

Trong cổ thi Tàu, phần lớn tác giả nói về những cảm xúc cá nhân trước cảnh vật hữu tình. Thi hứng của họ ít khi đến với từng lớp dân dã. Riêng Đỗ Phủ lại nói về cảnh dân đen bị thế lực nhà cầm quyền khủng bố. Lại xảy ra vào đêm khuya tại tư gia.

Cảnh bắt người dưới thời Đỗ Phủ không khỏi làm cho nhiều người phải rùng mình khi nhớ lại cảnh mật vụ ở Miền Nam dưới thời Đệ I Cộng Hòa và ngày nay ở Hà nội cũng đang đem xông vào nhà dân chúng lùng bắt người dẫn đi mất. Không quan tâm đến quyền an ninh nhân thân. Đỗ Phủ trong bài Thạch Hào Lại mô tả cảnh lính nửa đêm vào nhà dân lục soát:

«Mộ đầu Thạch Hào thôn  
Hữu lại dạ tróc nhân  
Lão ông du tường tẩu  
Lão phụ xuất môn nghinh»

Dịch ra tiếng việt:

«Chiều hôm nghĩ xóm Thạch Hào  
Bắt người đêm lính áp vào giữa đêm

Trèo tường ông lão trốn êm  
Vội vàng bà lão trước thềm đón nghinh.»

Nhắc Đỗ Phủ với tâm thức xã hội, không thể không nhớ lại bài Xuân Vọng nói lên nỗi niềm người mất nước:

«Quốc phá sơn hà tại  
Thành Xuân thảo mộc thân  
Cảm thời hoa tiền lệ  
Hận biệt điều kinh tâm»

Dịch ra tiếng Việt:

«Nước mất còn non sông  
Cỏ cây Xuân mọc cùng  
Sầu tang hoa nhỏ lệ  
Hận biệt điều kinh lòng »

Biết nước mất vào tay giặc, làm người dân phải dám đứng lên đòi lại « núi sông » như nhà ái quốc Nhạc Phi:

«Hoàn ngã Hà San»!

Phải biết Cụ Trần Văn Ân sưu tập lại những bài thơ của Cụ dịch (lối hơn 600 bài), thơ sáng tác bằng chữ Hán và chữ Nôm làm 3 tập **Văn Lang Thi Tập** xong vào lúc Cụ ngoài chín mươi. Ngoài ra Cụ còn làm thêm một Tuyển Tập Thơ của bạn để nhớ bạn.

### **Những ngày Tết trong tù**

Cụ nằm trong khám tử hình không mong Tết nhưng Tết vẫn tới. Cụ nằm trên sạp đá, chân bị còng nhưng tâm hồn Cụ vẫn đùa cợt với ngày Tết tới:

«Năm mới nhạo cười người củ rích  
Heo đi, chuột lại cắn cành Xuân.  
Gió chiều hiu hắt du non trọc  
Sóng sớm lờ nhô vỏ bãi gần».

Lúc Cụ nằm trên sạp đá trong phòng giam tử tội, không thể trốn đi được, mà chân còn bị còng Niềm mơ ước của Cụ là được tự do. Cụ nhìn con chim sẻ đậu trên xà nhà thấy nó không cần tự do, bởi nó đang hoàn toàn tự do, tức cảnh :

«Người nằm sạp đá cầu thông thả  
Sẻ đậu kèo nhà không muốn bay»

Khi con người mất tự do thì khả năng cũng bị mất theo. Cụ nằm đó mà chuột cũng không sợ:

«Chuột khéo coi thường ta  
Biết ta bất động mà  
Thấy quơ tay chẳng chạy  
Túi phận một thân già»

Không nghĩ tới ngày ra về. Ngày qua ngày, Cụ dùng thì giờ làm bạn với các thi nhân nổi tiếng một thời. Như Thôi Hiệu, trong bài Hoàng Hạc Lâu, Cụ ưng ý nhất hai câu cuối:

«Nhật mộ hương quan hà xứ thị?  
Yên ba giang thượng sử nhân sầu»

Cụ dịch ra tiếng Việt:

“Chiều quạnh đâu là hương lý củ?  
Trên sông khói sóng nào lòng này”

Cũng hai câu đó, thi sĩ Vũ Hoàng Chương dịch:

“Gần xa chiều xuống đâu quê quán?  
Đừng dục con sàu nửa sóng ơ!”

Và thi sĩ Tân Đà dùng thể lục bát:

“Quê hương khuất bóng hoàng hôn  
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?”

“Quê hương khuất bóng hoàng hôn” của Thôi Hiệu không phải là cái xa quê của thi nhân Trần văn Ân. Cũng như của phân đồng người Việt nam ở hải ngoại ngày nay. Không phải “khuất bóng hoàng hôn” mà là mất nước vào tay giặc. Và non sông cũng không còn nguyên vẹn như “Quốc phá sơn hà tại”!

Ngày Tết, một mình đón Xuân trên đất Pháp, Cụ Ân bỗng giật mình trước thực tại:

“Ngồi tù Côn đảo thâu hoàn vũ  
Thất quốc trời Tây, đuổi gió mây ”

Đầu sĩ già ngày Tết cô đơn nhớ nhà, nhớ nước, thở dài, tâm sự trào dâng:

“...Việt nam xa cách biết nhìn đâu đâu  
Cởi mây về đó người nào?”

**Nguyễn thị Cỏ May**